

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Văn Nga

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phạm Yến N, sinh năm 1990

Nơi cư trú: tổ D, ấp D, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: tổ F, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: số F, đường N, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền về việc nhận các văn bản tố tụng:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1994

Nơi thường trú: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Lê Thị Hồng T1, sinh năm 2002

Nơi thường trú: 281, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Cùng địa chỉ liên lạc: số F, đường N, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: ông Lê Thành H, sinh năm 1989

Nơi cư trú: tổ D, ấp D, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn bà Phạm Yến N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Thành H chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2012, ngày 14/3/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống; không tìm được tiếng nói chung nên từ đó thường xuyên xảy ra tranh cãi, gia đình không hạnh phúc. Ông, bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn gia đình nhiều lần nhưng không được nên đã sống ly thân từ tháng 01/2023 cho tới nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Thành H1, sinh ngày 15/01/2014. Khi ly hôn, bà N yêu cầu giao cháu H1 cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ khi ly thân thì bà N đưa cháu H1 về quê tại tổ F, khóm T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long sinh sống cho tới nay. Cháu H1 đang học tiểu học tại trường Tiểu học T2, kết quả học tập tốt. Bà đang làm nhân viên tại Spa M, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Thành H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng không thực hiện và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có lời khai.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

** Về tố tụng:*

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

** Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; về con chung: Giao cháu Lê Thành H1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Yến N khởi kiện ông Lê Thành H yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con, bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ D, ấp D, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Nguyên đơn bà Phạm Yến N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Thành H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2012, ngày 14/3/2012, căn cứ Điều 11, 12, 13 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại địa phương nơi cư trú cho thấy: quá trình chung sống giữa bà N và ông H có phát sinh mâu thuẫn nhưng địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không yêu cầu hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, bà N từ chối hòa giải, điều này cho thấy bà không muốn hòa giải, đoàn tụ gia đình. Bà N kiên quyết được ly hôn với ông H do không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông H là có thật, kéo dài, không thể hàn gắn nên yêu cầu của bà N về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận, cho bà N được ly hôn với ông Lê Thanh H2.

Về con chung: Bà N và ông H2 có 01 (một) con chung tên Lê Thành H1, sinh ngày 15/01/2014. Ly hôn, bà N yêu cầu giao cháu H1 cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, ông H2 không có ý kiến về việc nuôi con. Nguyên đơn cung cấp “Xác nhận về nơi cư trú” của Công an thị trấn T, huyện B thể hiện bà N sinh sống tại tổ F (nhà trọ 908), thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và cung cấp Giấy khen của trường tiểu học T3 A đối với cháu Lê Thành H1. Như vậy, việc cháu H1 sinh sống với bà N như trình bày của bà N là có thật. Cháu H1 có nguyện vọng được sinh sống cùng với bà N. **Hội đồng xét xử** xét thấy việc giao cháu H1 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của cháu nên yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở chấp nhận. Do bà N không yêu cầu ông H2 phải cấp dưỡng nuôi con đối nên tạm thời ông H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phạm Yến N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Yến N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Yến N được ly hôn với ông Lê Thành H.

- Về con chung: bà N và ông H có 01 con chung tên Lê Thành H1, sinh ngày 15/01/2014. Giao cháu H1 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: bà Phạm Yến N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010057 ngày 16/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhung